

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5 - 2025

V/v: “Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tân

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Lê Văn T; Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

-Bị đơn: Chị Bùi Thị L; Sinh năm: 2003

Địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ 2020, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai bên xảy ra bất đồng cãi cọ nên đã chia tay và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị L sinh được một con chung đặt tên là Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021. Do chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu Q không có họ tên bố. Nay anh yêu cầu Tòa án xác định anh và cháu Q là cha - con và anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2020 nhưng do lúc đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 con chung đặt tên là Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021. Do chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của con chỉ có mình họ, tên của mẹ mà chưa có họ tên của bố. Trong quá trình chung sống, do có nhiều bất hòa nên chị với anh T đã chia tay mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Bùi Đăng Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

- Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 88, 89, 91, 101, 102 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L là vợ chồng; Xác định cháu Bùi Đăng Q là con chung của anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L; Về con chung: Giao cháu Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, chị L và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh T.H và anh H1.

[4]. Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 2020 nhưng hai bên không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc này, cả anh T và chị L đều thừa nhận và cũng đã được Ủy ban nhân dân xã T (UBND nơi anh T cư trú) và Ủy ban nhân dân xã T (UBND nơi chị L cư trú) xác nhận. Nay cả anh T và chị L đều yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ Điều khoản 1, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh T và chị L là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị L có 01 con chung là Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021. Do chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của cháu Q chưa có họ và tên cha. Tòa án đã tiến hành Trưng cầu giám định ADN để xác định quan hệ cha-con giữa anh T và cháu Q. Kết luận giám định ADN số KL 2500110/TH, ngày 22/4/2025 của Trung tâm C xác định giữa anh Lê Văn T và cháu Bùi Đăng Q có quan hệ huyết thống cha – con. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định cháu Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021 là con chung của anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L.

[6]. Về người trực tiếp nuôi con: Cả anh T và chị L đều thống nhất giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của anh T và chị L.

[7]. Về tài sản: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về chi phí giám định ADN: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định ADN.

[9]. Về án phí: Anh T được miễn án phí đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên. Đối với yêu cầu không công nhận vợ chồng, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 và Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Xác định cháu Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021 theo giấy khai sinh số 180 ngày 04/08/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là con chung anh Lê Văn T, sinh ngày 26/8/1995; căn cước công dân số 038095029884 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 07/12/2003; căn cước công dân số 038303005728.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha đẻ là anh Lê Văn T đối với con là cháu Bùi Đăng Q phát sinh kể từ thời điểm Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục thay đổi, bổ sung thông tin về hộ tịch cho cháu Bùi Đăng Q theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Giao cháu Bùi Đăng Q, sinh ngày 25/02/2021 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Bùi Thị Lan L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T

Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc Không công nhận vợ chồng, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số BLTU/24/0003830, ngày 28/3/2025. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Lê Văn T và chị Bùi Thị L. Anh T và chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

